

Bản án số: 191/2025/HS-PT
Ngày 19/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên.

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Thuý Hà;

Bà Đỗ Thị Thanh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Na - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2025/TLPT-HS, ngày 16 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị Lan H; do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Lan H và bị hại Phạm Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2025/HS-ST, ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1), thành phố Hải Phòng.

- Bị cáo bị kháng cáo: Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 30 tháng 7 năm 1979 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số C, Đ, phường T, thành phố T (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Vũ Thị M; có chồng là Đặng Thế A và có hai con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2024; hiện tại ngoại; vắng mặt.

- Bị hại có kháng cáo: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1950; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện T (nay là tổ dân phố B, phường L), thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn T: Anh Phạm Trung K, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện T (nay là tổ dân phố B, phường L), thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn T: Ông Bùi Quốc T1, Luật sư Công ty L - Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/12/2019 Công an huyện T nhận được đơn trình báo, đơn tố giác của anh Phạm Trung K (sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; là con trai ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị M1) về việc: Vào các ngày 05, 06 và 07/12/2019 Nguyễn Thị Lan H (con gái ông Nguyễn Văn P và bà Vũ Thị M) đã thuê người lái xe máy xúc và sử dụng các công cụ như: Búa, xà beng, gậy gỗ... để phá dỡ toàn bộ bức tường bao xây bằng xi măng cát và gạch chỉ hai lô, có tổng chiều dài là 22,2m, chiều cao là 1,95m của gia đình anh K. Ngoài ra còn có một cây cột điện bằng kim loại bị gãy gập. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra vụ việc theo quy định.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/HĐĐGTS ngày 28/02/2020 và Kết luận định giá tài sản số 12/HĐĐGTS ngày 24/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T đã kết luận: 01 bức tường bao xây dựng bằng gạch chỉ 02 lô và xi măng cát, có tổng diện tích là 43,29m², có chi phí xây dựng là 10.850.000 đồng. 01 đoạn ống bằng kim loại dài 5m, đường kính 6cm, trị giá 333.500 đồng.

Tại Công văn số 256/TNMT-ĐĐ ngày 30/6/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T trả lời: *“Theo Sơ đồ tổng thể thửa đất hộ ông Nguyễn Văn P và ông Phạm Văn T đã được Công ty Cổ phần T3 đo đạc tháng 12/2019 và Sơ đồ thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện T đo đạc ngày 27/02/2020 thì ranh giới, mốc giới sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn P và hộ bà Vũ Thị M1 cơ bản đúng hiện trạng sử dụng đất, không bị chồng lấn lên nhau; vị trí hộ ông Phạm Văn T đã xây dựng tường nằm trên phần diện tích đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn P. Việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hai hộ gia đình đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013”.*

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Lan H khai nhận: Năm 2019 H được bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn P và bà Vũ Thị M ủy quyền làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 02 tại thôn C, xã Đ, huyện T, đứng tên ông P và bà M. H có nhờ cán bộ địa chính xã Đ đo lại đất thì phát hiện gia đình ông Phạm Văn T đã xây tường bao dài khoảng 22,2m, cao khoảng 2m lấn sang phần đất nhà H chỗ rộng nhất là gần 90cm, chiều dài là 22m. H đã yêu cầu ông T phải tháo dỡ bức tường xây lấn sang phần đất nhà H và đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành vì gia đình ông T không chịu phá dỡ. H có nói với gia đình ông T nếu không tự tháo dỡ thì sẽ thuê người đến phá dỡ. Ngày 05/12/2019 H thuê anh Đoàn Thanh T2 (sinh năm 1993, trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện T) lái máy xúc đến phá dỡ. Khi mới phá dỡ được khoảng 5 - 7m tường thì gia đình ông T ra cản trở nên đã dừng lại. Khoảng 17 giờ cùng ngày, H thuê sáu (06) người công nhân ở chân Cầu K (trong đó có anh Hoàng Phú P1, sinh năm 1986, trú tại: Thôn E, xã T, huyện T) đến để phá dỡ bức tường thì bị cản trở nên chỉ phá được thêm khoảng 3 - 4m tường. Ngày 06 và 07/12/2019 H tiếp tục thuê những người trên đến phá dỡ toàn bộ bức tường phần nổi, còn phần móng vẫn còn.

Bị hại và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Năm 2016, được sự đồng ý của ông Nguyễn Văn P, gia đình ông Phạm Văn T có xây dựng bờ tường bao ngăn cách giữa đất nhà ông T với đất nhà ông P. Tường bao dài khoảng 22,3m, cao

khoảng 1,95m, bức tường có một cây cột điện dựng lên bằng ống tuýp loại phi 60, cao khoảng 05m và có cánh cửa bằng kim loại. Tháng 7/2019, H (con của ông P) làm đơn kiến nghị gia đình ông T xây tường bao lán sang đất nhà ông P nên hai bên đã được hòa giải ở địa phương nhưng không thành. Sau đó trong các ngày 05, 06 và 07/12/2019 H thuê Đoàn Thanh T2 lái máy xúc và nhiều người lạ mặt, bịt khẩu trang dùng gậy, xà beng, búa đập phá làm hư hỏng bức tường. Toàn bộ bức tường, cây cột điện bị phá hỏng hoàn toàn, không còn giá trị sử dụng. Khi bức tường bao bị đổ kéo theo cánh cửa sắt bị đổ, gạch vữa đè lên nhưng không bị hư hỏng và ảnh hưởng đến giá trị sử dụng.

Trước khi mở phiên tòa, bị cáo H có đơn khiếu nại đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; các Cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Hải Phòng; Thành ủy thành phố T và các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố T khiếu nại về những sai phạm từ giai đoạn điều tra của Công an huyện T trong việc yêu cầu định giá tài sản, sai phạm trong việc định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện T đã định giá tài sản không đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2025/HS-ST, ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Thị Lan H 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội: “Hủy hoại tài sản”. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Lan H phải bồi thường cho ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị M1 số tiền 11.183.500 đồng.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về lãi suất, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại Phạm Văn T kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 178 và không cho bị cáo được hưởng án treo; áp dụng thêm các tình tiết tăng nặng “phạm tội đến cùng” và “phạm tội có tổ chức” vì vụ án có đồng phạm; đề nghị xem xét lại việc định giá tài sản và buộc bị cáo bồi thường đối với cả phần móng của bức tường đã bị huỷ hoại. Bị cáo H kháng cáo đề nghị huỷ Bản án hình sự sơ thẩm để định giá tài sản lại hoặc tuyên bị cáo vô tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Lan H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm là những người được bị cáo H thuê để phá dỡ bức tường của bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập ông S công an xã Đ là người đã tham gia giải quyết, chứng kiến sự việc tham gia phiên tòa với tư cách là người làm chứng.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Lan H về tội “Huỷ hoại tài sản”, theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo và bị hại: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, đánh giá về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo mức hình phạt 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo và bị hại cũng không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị hại phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật nhưng do bị hại là người yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm nên được miễn nộp án phí phúc thẩm. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 15/5/2025 Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1) xét xử sơ thẩm vụ án; tại phiên tòa bị cáo và bị hại đều có mặt. Vì vậy, ngày 27/5/2025 bị hại có đơn kháng cáo và ngày 29/5/2025 bị cáo có đơn kháng cáo là vẫn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Lan H về tội “Huỷ hoại tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi của bị cáo.

- Xét kháng cáo của bị hại:

[3] Bị hại cho rằng bị cáo đã cùng các đối tượng khác thực hiện việc phá dỡ, huỷ hoại bức tường do bị hại xây dựng nên trong vụ án phải có đồng phạm và bị cáo phải bị coi là “phạm tội có tổ chức” và bị cáo phải bị xét xử theo khoản 2 Điều 178 của Bộ luật Hình sự mới chính xác.

[4] Xét vấn đề này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và đánh giá tại Bản án hình sự sơ thẩm; cụ thể: Đối với Đoàn Thanh T2, Hoàng Phú P1 và các đối tượng khác là những người được bị cáo H thuê đã cùng bị cáo H thực hiện hành vi phá dỡ bức tường của bị hại vào các ngày 05, 06, 07/12/2019 có dấu hiệu đồng phạm gián tiếp với bị cáo H về tội: “Huỷ hoại tài sản”. Tuy nhiên căn cứ Điều 27 Bộ luật Hình sự đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với đối tượng trên nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bị hại và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại về việc yêu cầu Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung để xử lý về hình sự đối với các đối tượng nêu trên. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị hại.

- Xét kháng cáo của bị cáo:

[5] Tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định về thành phần của Hội đồng định giá cấp huyện bao gồm:

a) Một lãnh đạo của cơ quan chuyên môn cấp huyện về lĩnh vực tài chính là Chủ tịch Hội đồng;

b) Một chuyên viên của cơ quan chuyên môn cấp huyện về lĩnh vực tài chính là thành viên thường trực Hội đồng;

c) Đại diện các cơ quan, tổ chức chuyên môn liên quan đến tài sản cần định giá là thành viên Hội đồng. Căn cứ vào yêu cầu định giá tài sản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định các thành viên phù hợp với đặc điểm của tài sản cần định giá.

[6] Theo quy định trên thì thành phần của Hội đồng định giá tài sản cấp huyện trong tổ tụng hình sự sẽ bao gồm: Một lãnh đạo của cơ quan chuyên môn cấp huyện về lĩnh vực tài chính là Chủ tịch Hội đồng. Do vậy, việc Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T đã căn cứ quy định tại Điều 15, Điều 16, điểm d khoản 2 Điều 17 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ và điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 43 ngày 07/5/2018 của Bộ T4, đã làm đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật để định giá tài sản đối với bức tường và đoạn ống bằng kim loại, nên việc định giá của Hội đồng định giá là đúng quy định của pháp luật. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại về việc đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung định giá lại bức tường. Đối với phần móng của bức tường chưa bị phá dỡ, nên chưa có thiệt hại xảy ra, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung định giá thêm phần móng của bức tường.

[7] Đối với Đoàn Thanh T2, Hoàng Phú P1 và những người được bị cáo H thuê phá dỡ bức tường của bị hại vào các ngày 05, 06, 07/12/2019 có dấu hiệu đồng phạm gián đơn với bị cáo H về tội: “Hủy hoại tài sản”.

[8] Tuy nhiên, khi giải quyết vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã không xem xét, làm rõ hành vi vi phạm của các đối tượng trên dẫn đến hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là thiếu sót nên vấn đề này cần nghiêm túc kiểm điểm rút kinh nghiệm.

[9] Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có đủ cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[10] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Xét bị hại là người yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm nên được miễn nộp án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Lan H và bị hại Phạm Văn T và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Lan H phạm tội “Hủy hoại tài sản”; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lan H 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Lan H cho Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự hai (02) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

“1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của UBND cấp xã, trường hợp không đồng ý thì UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, UBND cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho UBND cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách”.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Lan H phải bồi thường cho ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị M1 số tiền 11.183.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị hại.

Bị cáo Nguyễn Thị Lan H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1, TP Hải Phòng;
- PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- PC 10 Công an thành phố Hải Phòng;
- PC 03 Công an thành phố Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 1, TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- TAND khu vực 1, TP Hải Phòng;
- Phòng KTNV và THA;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Kiên